TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2020
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 845/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã X, huyện M, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 520, ấp T, xã M, huyện M, tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp B, xã X, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Bùi Văn N do mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống,

vợ chồng sống hạnh P đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên N do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống khoảng 03 năm đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Minh Đ, sinh ngày 02/3/2013 (hiện do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị L đồng ý để anh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị L có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Bùi Văn N được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn, không bổ sung ý kiến.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đỗ Thị Ngọc L yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N, anh N có nơi cư trú ấp B, xã X, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh N và Luật sư P là có căn cứ.

[3] Chị Đỗ Thị Ngọc L yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N. Chị L và anh N có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn N và gia đình nên quan hệ hôn N giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị L trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đến cuối năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không

còn chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị L yêu cầu ly hôn và triệu tập anh N tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên N do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống cách nay khoảng 03 năm đến nay. Trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn N không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn N và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Ngọc L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị L xác định vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Minh Đ, sinh ngày 02/3/2013 (hiện do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị L đồng ý để anh N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Đ do anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng. Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu thì cháu cũng có nguyện vọng được sống chung cùng cha và trong quá trình giải quyết anh N cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị L. Do đó, để anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn N sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn N và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc L đối với anh Bùi Văn N.

- Về quan hệ hôn N: Chị Đỗ Thị Ngọc L được ly hôn với anh Bùi Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 19 tháng 01 năm 2013 do Ủy ban N dân xã X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho anh Bùi Văn N và chị Đỗ Thị Ngọc L không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Bùi Văn N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Minh Đ, sinh ngày 02/3/2013 (hiện do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị Đỗ Thị Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Đỗ Thị Ngọc L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Đỗ Thị Ngọc L xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn N, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn N, thì chị Đỗ Thị Ngọc L và anh Bùi Văn N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn N và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Đỗ Thị Ngọc L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007598 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 05/12/2019. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Anh Thư